TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2018
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiến
2. Ông Võ Văn Cho

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M (Phạm Hồng T)

Địa chỉ: Ấp NX, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B.

Địa chỉ: Ấp NX, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa cụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 18, Trần Hữu Dực, khu đô thị mới Mỹ Đình 1, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Năm 2008 chị và anh Phạm Văn B được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân thị trấn MN vào ngày 05/6/2008. Trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị có quen với người phụ nữ khác, không lo làm ăn và tính cách không hợp nhau. Do chị không còn tình cảm với anh B, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với chồng chị là anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Gia B1 (nam) sinh ngày 01/01/2010 và cháu Phạm Hoàng Xuân B2 (nam) sinh ngày 17/10/2016. Hiện các cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về phần nợ chung: Anh chị có thiếu nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu thành A số tiền 146.000.000đồng. Nếu anh B không tự nguyện trả nợ chị cũng trả theo yêu cầu của Ngân hàng.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn B không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2018 anh Phạm Văn B trình bày: Anh và chị M được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo luật định. Mâu thuẫn giữa anh với chị M xuất phát từ phía gia đình anh nhận xét chị M không lo dọn dẹp trong nhà, nên chị M không hài lòng. Nay anh cho rằng còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Gia B1 (nam) sinh ngày 01/01/2010 và cháu Phạm Hoàng Xuân B2 (nam) sinh ngày 17/10/2016. Nếu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị M nuôi dưỡng 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ông Trần Quốc T trình bày. Chị M có vay của Ngân hàng số tiền 120.000.000đồng để dùng vào mục đích mua sắm nhà cửa. Tính đến nay chị M còn nợ Ngân hàng là 104.000.000đồng. Anh Phạm Văn B có vay của Ngân hàng tổng cộng số tiền 60.000.000đồng, anh B đã trả một phần nay còn nợ lại là 42.000.000đồng. Tổng cộng anh chị còn nợ Ngân hàng khoảng 146.000.000đồng. Do chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn giữa chị M và anh B. Nếu sau này phát sinh tranh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng

nuôi con chung. Chị Phạm Thị M cũng xác định giữa chị và anh Phạm Văn B không có tài sản chung. Về phần nợ chung, anh chị có thiếu nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành A số tiền 146.000.000đồng. Nếu anh B không tự nguyện trả nợ chị cũng trả theo yêu cầu của Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; đối với bị đơn anh Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng không chấp hành quy định về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: Giữa chị M và anh B phát sinh mâu thuẫn, tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh B; Về con chung đề nghị giao cháu B1 và cháu B2 cho chị M nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về tài sản chung chị M xác định không có nên không đề cập giải quyết; Về nợ chung do ngân hàng không yêu cầu nên đề nghị tách ra chưa giải quyết;Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đề nghị buộc chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B. Do anh B hiện cư trú tại ấp NX, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ hai và Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị M và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang ngày 05/6/2008. Trong quá trình chung sống chị M và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại

được, chị M cho rằng không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn. Về phía anh B dù biết chị M yêu cầu ly hôn nhưng cũng không có động thái tích cực để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi Tòa án mời tham gia hòa giải anh B cũng không đến dự. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh B đã ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Phạm Văn B.

[4] Về con chung: Chị M và anh B có 02 con chung là Phạm Hoàng Gia B1 (nam) sinh ngày 01/01/2010 và cháu Phạm Hoàng Xuân B2 (nam) sinh ngày 17/10/2016. Nguyện vọng của cháu B1 muốn được sống chung với chị M. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2018 anh B cũng đồng ý để chị M nuôi dưỡng 02 con chung. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B1 và cháu B2. Do chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh B và chị M có thiếu nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 146.000.000đồng. Tuy nhiên, do phía Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử tách ra không giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng Gia B1 (nam) sinh ngày 01/01/2010 và cháu Phạm Hoàng Xuân B2 (nam) sinh ngày 17/10/2016. Anh Phạm Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Phạm Văn B không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Tách phần nợ chung của Ngân hàng nông nghiệp ra chưa giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị M phải chịu là 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Phạm Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014495 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp xong).

6. Chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn B, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- UBND thị trấn MN;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên